

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/01/2023

V/v ly hôn giữa chị N và anh P

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy An.

Ông Trần Văn Tiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phan Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 464/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Nơi đang cư trú: ấp T, xã H, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Anh Hà Văn P, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị N và anh P vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, lời trình bày tại các biên bản trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn P tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Cả hai cũng không cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Những mâu thuẫn này kéo dài nhưng cả hai không thể khắc phục nên từ tháng 8/2020 đến nay chị và anh P đã sống ly thân. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Chị và anh P đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hà Gia P, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2016. Từ khi ly thân đến nay, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc làm ăn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

*Bị đơn anh Hà Văn P trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh P đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh P.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P kéo dài đã nhiều năm nhưng anh chị không tự khắc phục được. Trong suốt quá trình tố tụng, anh Phước vắng mặt; điều đó cho thấy anh P không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, có 01 con chung tên Hà Gia P, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2016, chị N yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị N và anh P ly thân thì chị N là người trực tiếp nuôi con chung; để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị

N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hà Văn P là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Phước có nơi cư trú tại xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh P vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh P vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; chị N có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hà Văn P kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/9/2015 (số 35/2015) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cả hai có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau; anh P lại không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng xác định được anh P và chị N đã ly thân khoảng 02 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P không tham gia phiên hòa giải; điều đó cho thấy, anh P không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị N và anh P có 01 người con chung tên Hà Gia P, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2016 (có đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã Phú

Hung, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre số 07 ngày 19/01/2016). Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, từ năm 2020 đến nay chị N là người trực tiếp nuôi con chung; anh P không có yêu cầu gì về con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho chị N được trực tiếp nuôi cháu P là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh P vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P về phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng N ly hôn với anh Hà Văn P.
2. Về con chung: Giao con chung tên Hà Gia P, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.
4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010508 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị N, anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Huyền**